

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVR)

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh
Quảng Ninh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 19/8/2010)*

↻ Báo cáo thường niên này sẽ được cung cấp tại:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Số 20 – Ngõ 4 Hải Phụng – Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường Hồng Hải – Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh
 - Điện thoại: (033) 3820 272 Fax: (033) 3820 273
 - Websites: www.pvr.vn

↻ Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Ông Nguyễn Hữu Tùng
Chức vụ : Kế toán trưởng
Điện thoại : (84-4) 3726 2955 Fax: (84-43) 3726 2956

MỤC LỤC

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:	4
1. Những sự kiện quan trọng:	4
2. Quá trình phát triển	4
3. Định hướng phát triển	7
II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:	8
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010	8
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch	9
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	10
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	11
III. Báo cáo của Ban Giám đốc	13
1. Báo cáo tình hình tài chính	13
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	16
IV. Báo cáo tài chính	18
V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	19
1. Kiểm toán độc lập	19
2. Kiểm toán nội bộ	19
VI. Các công ty có liên quan	19
1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của tổ chức, công ty	19
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ	20
3. Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan	20
4. Tóm tắt tình hình hoạt động tài chính của các công ty liên quan	20
VII. Tổ chức và nhân sự	20
1. Cơ cấu tổ chức của công ty	20
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:	20
3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm 2010	33
4. Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc	33
5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:	33
6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.	35
VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty	35
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	35
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	40

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2010	9
Bảng 2.	Các chỉ số tài chính	13
Bảng 3.	Giá trị sổ sách (31/12/2010)	14
Bảng 4.	Thay đổi của cổ đông lớn.....	14
Bảng 5.	Phân loại trái phiếu lưu hành trong năm 2010	15
Bảng 6.	Phân loại cổ phiếu	15
Bảng 7.	Phân loại lao động.....	33
Bảng 8.	Thành viên và cơ cấu HĐQT, Ban kiểm soát	35
Bảng 9.	Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và những người liên quan.....	39
Bảng 10.	Thông tin và cơ cấu cổ đông Nhà nước	40
Bảng 11.	Thông tin và cổ đông lớn	41
Bảng 12.	Thông tin về cổ đông sáng lập	41
Bảng 13.	Cổ đông nước ngoài là cá nhân	42
Bảng 14.	Cổ đông nước ngoài là tổ chức	42

DANH MỤC PHỤ LỤC

<u>PHỤ LỤC I.</u>	<u>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</u>	4360
--------------------------	---------------------------------------	-------------



Báo cáo thường niên năm 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

Năm 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1 Việc thành lập:

- Ngày 17/11/2006, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579, với vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng với cổ đông sáng lập là các Công ty, đơn vị trong ngành Dầu khí và các tổ chức khác.
- Tháng 02/2008, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR), với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tây cấp.
- Ngày 09/12/2009 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Hà Nội cấp số 0103034347.
- Ngày 25/03/2010 Công ty chuyển trụ sở về Quảng Ninh nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ninh cấp số 0500547376.
- Ngày 19/08/2010 đăng ký thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ninh cấp số 0500547376, thay đổi địa điểm trụ sở công ty.

1.2 Niêm yết

PVR được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận niêm yết kể từ ngày 10/6/2010 và chính thức giao dịch kể từ ngày 21/6/2010.

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: PVR
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện nay: 30.000.000 cổ phiếu

2. Quá trình phát triển

❖ Trước những yêu cầu của thực tế khách quan, phù hợp với định hướng phát triển đa ngành đa nghề, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận lĩnh vực kinh doanh bất động sản; kinh doanh các dịch vụ cao cấp như sân Golf, resort, khu vui chơi giải trí; kinh doanh các hoạt động thể thao... Bên cạnh đó, địa bàn Hà Nội chưa có một khu du lịch cao cấp tầm cỡ quốc tế nhằm phục vụ nhu cầu người dân Thủ đô và khách du lịch trong và ngoài nước khi đến thăm quan hay tham gia hội nghị, hội thảo. Do đó, PVR đã được thành lập với tên ban đầu là Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên với

mục tiêu chính là phát triển dự án Hồ Suối Hai, Tân Viên, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội mở rộng) thành khu du lịch nghỉ dưỡng tâm cơ quốc tế nhằm đáp ứng các mục đích trên.

❖ Ngày 17/11/2006, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579, với vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng với cổ đông sáng lập là các Công ty, đơn vị trong ngành Dầu khí và các tổ chức khác như sau:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)
- Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí (PTSC)
- Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu (GP BANK)
- Công ty Đầu tư & Thương mại Hệ thống Quốc tế (NETTRA)

❖ Tháng 02/2008, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR), với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tây cấp.

❖ Ngày 09/12/2009 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Hà Nội cấp số 0103034347.

❖ Ngày 25/03/2010 Công ty chuyển trụ sở về Quảng Ninh nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ninh cấp số 0500547376. Và được cấp đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2010.

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh bán hàng trong siêu thị;
- Kinh doanh bán hàng tổng hợp;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh sân golf;

- Kinh doanh cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh tổ chức các hoạt động nghệ thuật, sân khấu âm nhạc và các hoạt động nghệ thuật khác;
- Kinh doanh tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa;
- Kinh doanh các hoạt động thể thao (bơi lội, bóng đá, tennis, đua thuyền, nhảy dù, leo núi, trường đua ô tô, mô tô, đua ngựa, đua chó);
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ khai thác dầu khí (trừ điều tra thăm dò);
- Sản xuất, phân phối điện;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác.

2.2 Tình hình hoạt động

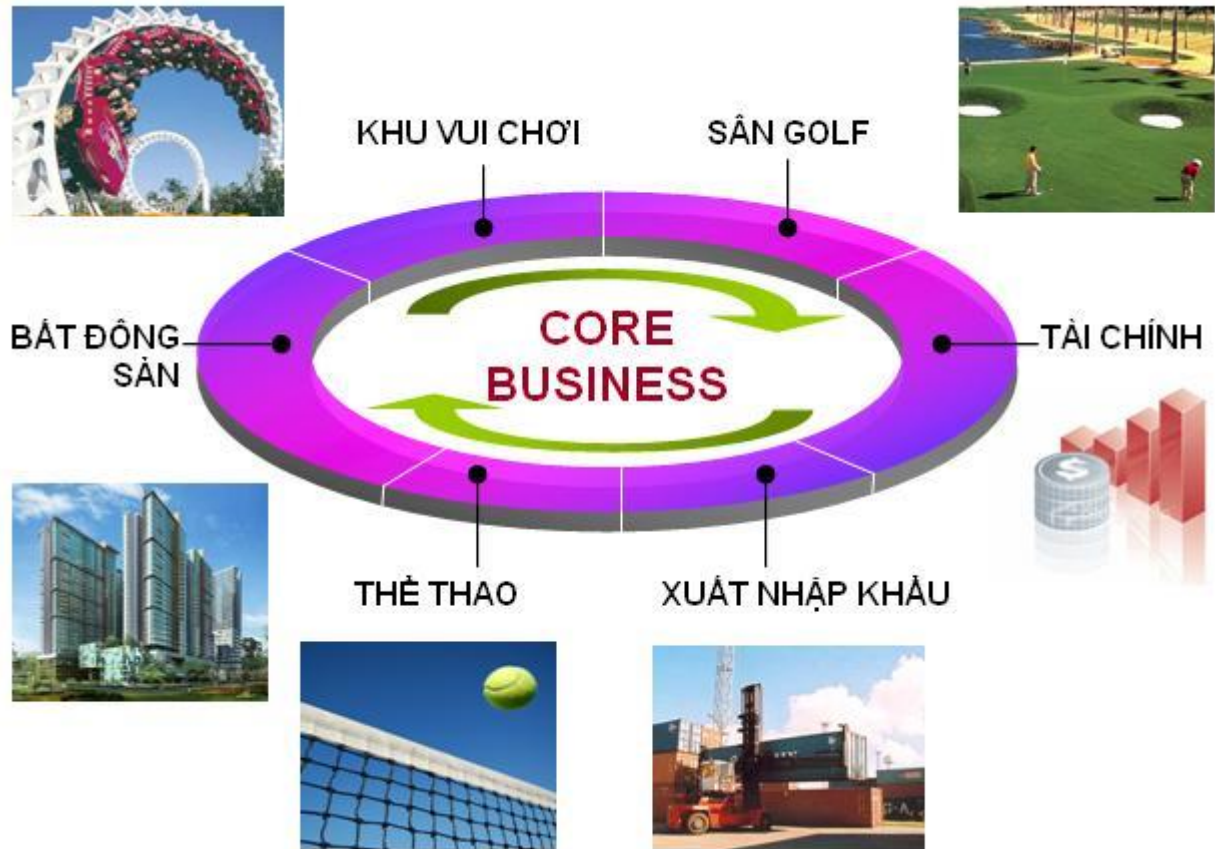
Trong thời gian qua, Công ty đã đi sâu nghiên cứu và phát triển đa dạng một số sản phẩm dịch vụ của Công ty như:

- **Kinh doanh bất động sản:** trung tâm thương mại, căn hộ cao cấp cho thuê, căn hộ để bán: Dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú, Dự án tổ hợp nhà ở và dịch vụ công cộng CT15 - Khu đô thị mới Việt Hưng, Dự án trung tâm thương mại, tài chính văn phòng Cột Đồng Hồ TP. Hà Long.

- **Kinh doanh khu vui chơi giải trí và dịch vụ khách sạn, du lịch nghỉ dưỡng:** dự án Khu Du lịch quốc tế cao cấp Hồ Suối Hai, Dự án khu đô thị sinh thái Tây Hà Long, Dự án trung tâm thương mại, tài chính văn phòng Cột Đồng Hồ TP. Hà Long.

- **Kinh doanh sân golf và các hoạt động thể thao:** Sân golf thuộc dự án Khu Du lịch quốc tế cao cấp Hồ Suối Hai

- **Các dự án liên doanh, liên kết, hợp tác trong lĩnh vực đầu tư:** Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở căn hộ Megastar Duminium Vĩnh Hưng.



3. Định hướng phát triển

3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển PVR thành một công ty có vị thế và thương hiệu trên thị trường, theo hướng phát triển đa ngành nghề lấy trọng tâm là Bất động sản và dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng cao cấp.
- Phát huy nội lực, tích cực hợp tác và liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược cả trong và ngoài nước để thu hút nguồn vốn và tạo điều kiện thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh và làm tăng giá trị Công ty.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) là một trong những Công ty thành viên của Tập đoàn kinh tế lớn nhất Việt Nam - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Trong chiến lược phát triển dài hạn, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sẽ phát triển thành Tập đoàn kinh tế hàng đầu trong khu vực và trên thế giới với phương châm hoạt động kinh doanh đa ngành đa nghề.

Xuất phát từ định hướng đó, Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) đã được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 11/2006 để đảm nhiệm lĩnh vực đầu

tư và kinh doanh bất động sản, dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí, du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp... Đây là xu hướng tất yếu và cần thiết, góp phần đa dạng hóa loại hình kinh doanh của Tập đoàn, đồng thời phát huy được năng lực tài chính, năng lực chuyên ngành, kỹ năng kinh doanh, quản lý sẵn có cũng như nhằm xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành chuyên nghiệp có chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng và góp phần vào sự nghiệp xây dựng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thành một Tập đoàn kinh tế kinh doanh đa ngành nghề và phát triển bền vững cũng như góp phần đẩy mạnh công cuộc hiện đại hóa của nước nhà.

Hiện nay lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản, sân golf, dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí, du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp... là một trong lĩnh vực đem lại hiệu quả cao về kinh tế, góp phần đem lại sự phát triển bền vững của mỗi doanh nghiệp cũng như sự tăng trưởng của đất nước nói chung. Để đáp ứng được xu thế hội nhập của đất nước cũng như xu hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty Cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam không ngừng phấn đấu và tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động và lĩnh vực kinh doanh để sớm phát triển thành một trong những công ty kinh doanh dịch vụ hàng đầu tại VN.

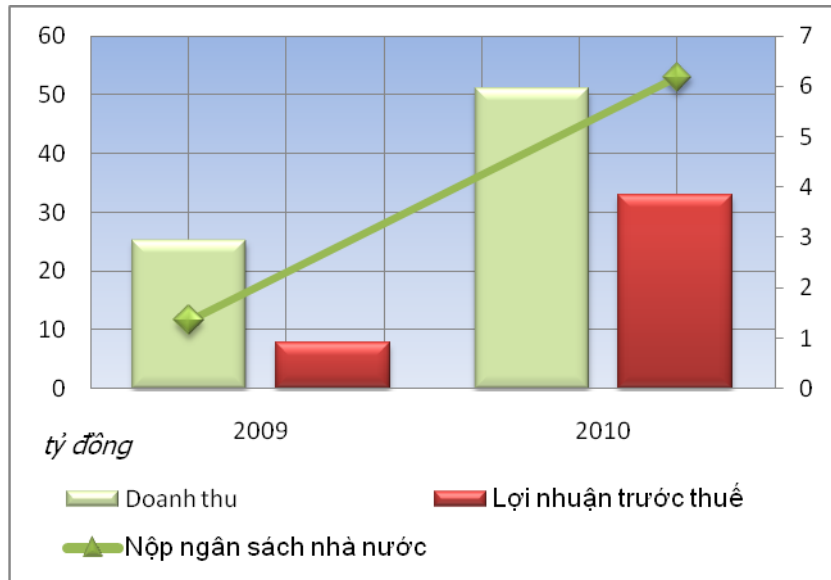


II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010

Doanh thu của Công ty năm 2010 đạt gần 51 tỷ đồng, tăng 197,3% so với năm 2009; lợi nhuận trước thuế đạt 32,8 tỷ đồng, tăng 425,2% so với năm tài chính liền kề. Đây là nét nổi bật trong điều kiện thị trường tài chính, tiền tệ tín dụng trong năm rất nhiều biến động tiêu cực. Công ty bước đầu đã có doanh thu từ các hoạt động kinh doanh thương mại, đầu tư bất động sản ngắn hạn, đã huy động được một số vốn đáng kể làm nền tảng cho các dự án dài hạn của Công ty.

Biểu đồ tăng trưởng (Doanh thu, lợi nhuận trước thuế, các khoản nộp ngân sách nhà nước)



(Đơn vị: tỷ đồng)

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2010

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009 (triệu đồng)	KẾ HOẠCH 2010 (triệu đồng)	THỰC HIỆN 2010 (triệu đồng)	TỶ LỆ 2010/2009	TỶ LỆ THỰC HIỆN/KẾ HOẠCH 2010
1	Doanh thu	25.853	107.00	50.943	197%	47.61%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.727	59.43	32.852	425%	55.28%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.355	15.45	7.755	572%	40.00%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.372	44.57	25.097	394%	56.32%

2.1. Công tác đầu tư XDCB

Hiện công ty đã thực hiện tìm kiếm, nghiên cứu đầu tư nhiều dự án, trong đó 4 dự án trọng điểm có tổng mức đầu tư hơn 6.000 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- ✓ Dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tản Viên, Ba Vì, Hà Nội;
- ✓ Dự án Trung tâm thương mại, văn phòng và khách sạn tại Quảng Ninh;
- ✓ Dự án xây dựng Khu chung cư CT15 Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội;

- ✓ Dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-CT11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội;
- ✓ Dự án Số 9 Trần Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- ✓ Dự án Khu đô thị dầu khí Hạ Long - khu đô thị du lịch sinh thái văn hoá Hạ Long, Quảng Ninh;
- ✓ Dự án TTTM, văn phòng và chung cư cao tầng tại 1283 đường Giải Phóng;
- ✓ Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở căn hộ Megastar Duminium Vĩnh Hưng.

2.2. Công tác mua sắm trang thiết bị

- ✓ Cơ bản hoàn thành công tác mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất.

2.3. Công tác Tài chính – Kế toán

- ✓ Hoàn thành công tác kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2010;
- ✓ Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư, lên phương án sử dụng vốn nhàn rỗi của Công ty;
- ✓ Công tác giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản cho Công ty là 513,15 tỷ;
- ✓ Ký hợp đồng vay vốn tín dụng 240 tỷ đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương – chi nhánh Thăng Long.

2.4. Công tác đào tạo và lao động tiền lương

a) Công tác đào tạo

- ✓ Tiến hành tổ chức các khóa đào tạo về (nghệ vụ Đấu thầu, quản lý Dự án, bồi dưỡng nghiệp vụ...) nhằm nâng cao trình độ năng lực chuyên môn và quản lý cho CBCNV Công ty với kinh phí 0,29 tỷ.

b) Công tác lao động

- ✓ Hoàn thành cơ bản công tác tuyển dụng, sắp xếp và kiện toàn tổ chức nhân sự Công ty với cơ cấu tổ chức và số lượng nhân sự hiện tại (không bao gồm HĐQT và Ban kiểm soát Công ty kiêm nhiệm) là: 83 người.

c) Công tác tiền lương

- ✓ Phê duyệt bảng chuyển xếp lương chức danh công việc cho Cán bộ nhân viên công ty;
- ✓ Tổng tiền lương đã chi cho năm 2010: 8,4 tỷ.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Trong năm Hội đồng quản trị ban hành một số các Quyết định mang tính chiến lược của công ty, bao gồm:

- ✓ Ngày 16/04/2010, Quyết định số 278/NQ-PVR-HĐQT về việc phê duyệt bổ sung việc đầu tư dự án TTTM nhà ở, căn hộ Megastar Duminium Vĩnh Hưng.
- ✓ Ngày 09/06/2010, Quyết định số 385/NQ-PVR-HĐQT về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng.

- ✓ Ngày 05/08/2010, Quyết định 572/NQ-PVR-HĐQT về việc thông qua phương án đầu tư Dự án CT10-11 Văn Phú.
- ✓ Ngày 08/09/2010, Quyết định số 702/NQ-PVR-HĐQT về việc thông qua phương án đầu tư dự án TTTM dịch vụ và chung cư cao tầng Giải phóng quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.
- ✓ Ngày 17/11/2010, Quyết định 920/NQ-PVR-HĐQT Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Chung cư cao cấp Việt Hàn tại Hạ Long.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

4.1 Ngành Du lịch và Dịch vụ:

Ngành du lịch và dịch vụ hiện đang được Chính phủ chú trọng phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta. Hiện tại, tuy ngành này còn tương đối nhỏ bé nhưng đã đạt tốc độ tăng trưởng rất ấn tượng trong 05 năm trở lại đây (trung bình trên 15%/năm, *nguồn: Tổng cục Du lịch Việt Nam [Năm thống kê]*). Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành này như tạo chính sách thông thoáng cho khách du lịch quốc tế bằng cách miễn Visa nhập cảnh cho nhiều nước có lượng khách lớn tới Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng không ngừng đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các tiềm năng du lịch to lớn của đất nước, tăng khả năng giao lưu giữa các vùng và phát triển các tuyến, điểm tham quan du lịch. Ngoài ra, các sự kiện văn hóa liên tục được tổ chức nhằm quảng bá cho du lịch Việt Nam như Lễ hội biển Nha Trang, cuộc thi bắn pháo hoa Đà Nẵng, vận động bình chọn cho Vịnh Hạ Long trở thành một trong bảy kỳ quan thiên nhiên thế giới và sự kiện lớn nhất trong 2010 là đại lễ “1000 năm Thăng Long – Hà Nội” cũng sẽ thu hút được rất nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế.

Nguồn khách du lịch trong nước cũng là một tiềm năng to lớn cho ngành Du lịch – Dịch vụ. Trong những năm gần đây kinh tế Việt Nam tăng trưởng rất nhanh (đứng thứ 2 thế giới về tốc độ tăng trưởng, chỉ sau Trung Quốc) nên đời sống người dân ngày càng được nâng cao. Do đó nhu cầu du lịch và nghỉ dưỡng của người dân sẽ dần trở thành nhu cầu tất yếu và tạo điều kiện rất tốt cho sự phát triển của ngành Du lịch – Dịch vụ.

Bên cạnh đó thị trường dịch vụ cao cấp như sân golf cũng đang không ngừng phát triển. Mới đây, Chính phủ đã có quyết định hạn chế cấp phép đầu tư xây dựng sân golf trong cả nước và ngừng cấp phép sân golf trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cho tới nay, trên địa bàn toàn Thành phố chỉ có 8 dự án sân golf được phép tiếp tục đầu tư, trong đó có dự án sân golf tại Khu du lịch Tân Viên của PVR. Có thể nói đây là một lợi thế không nhỏ của PVR khi nhu cầu về dịch vụ thể thao cao cấp tại Việt Nam đang ngày một tăng trong khi nguồn cung của dịch vụ này sẽ bị hạn chế.

4.2 Ngành Bất động sản:

Tình hình thị trường bất động trong năm 2011 sẽ chuyển biến tích cực hơn so với năm 2010. Nhu cầu căn hộ ở phân khúc trung bình và bình dân tiếp tục ở mức cao, do đó thị trường ở

2 phân khúc này được dự báo là sẽ sôi động. Tác động của Nghị định 71 và Thông tư 16 góp phần làm cho thị trường minh bạch hơn, ngăn chặn đầu cơ trong ngắn hạn...

Thị trường căn hộ có khả năng khởi sắc ở nửa cuối năm 2011. Phân khúc trung bình được dự báo là sẽ lên ngôi trong năm 2011 do nhu cầu của người dân ở phân khúc này lớn, người dân có xu hướng tìm cho mình một ngôi hợp túi tiền hơn. Phân khúc cao cấp sẽ tiếp tục đối mặt với tình trạng khó khăn do nhu cầu ở mức thấp. Nguồn cung phân khúc trung bình sẽ tăng ở mức vừa phải, do nguồn cung năm 2010 vẫn còn nhiều, giao dịch ở phân khúc trung bình được dự báo là sẽ tăng lên do nhu cầu ở phân khúc này còn khá lớn. Phân khúc căn hộ trung bình và bình dân vẫn được xem là kênh đầu tư an toàn cho nhà đầu tư so với kênh chứng khoán, vàng và ngoại tệ.

Thị trường đất nền có những xu hướng vận động trái ngược nhau. Thị trường đất nền ở Hà Nội sẽ khó có khả năng nguội lại và tình trạng sốt giá mạnh cũng khó có khả năng xảy ra. Theo nhiều chuyên gia bất động sản, giá đất trong năm 2011 vẫn sẽ tăng ở mức độ cho phép. Trong khi khu vực phía Tây hạ nhiệt thì phía Đông trở thành mảnh đất tiềm năng thu hút nhà đầu tư, khi cơ sở hạ tầng đang phát triển nhanh chóng, nhất là từ khi cầu Thanh Trì và cầu Vĩnh Tuy đã đi vào hoạt động. Trong khi đó ở Hồ Chí Minh, thị trường đất nền sẽ tiếp tục gặp khó khăn khi mức giá tại nhiều nơi vẫn cao và không còn khả năng tăng nên khó hấp dẫn nhà đầu tư. Cùng với mức lãi suất cao như hiện nay, việc đầu tư vào đất nền càng gặp nhiều khó khăn, khó có thể lướt sóng bán kiếm lời.

Thị trường cho thuê văn phòng được dự báo sẽ khả quan hơn so với năm 2010. Khi nền kinh tế thế giới đang trong tiến trình phục hồi, nhu cầu thuê văn phòng hạng A, B dự báo là sẽ tăng ở mức vừa phải, trong khi mức giá vẫn sẽ ổn định hoặc thậm chí có thể giảm do nguồn cung ở phân khúc hạng A, B sẽ tăng lên. Riêng phân khúc hạng C dự báo là sẽ sôi động hơn so với hạng A, B do quy định cấm sử dụng nhà chung cư vào mục đích cho thuê văn phòng hoặc kinh doanh thương mại, do đó nhu cầu văn phòng hạng C sẽ tăng lên. Giá thuê ở phân khúc hạng C có thể sẽ tăng nhẹ trong năm 2011

Thị trường mặt bằng bán lẻ được dự báo sẽ tăng trưởng trong năm 2011. Một phần do doanh số bán lẻ ngày càng tăng, cùng với nhu cầu thuê mặt bằng bán lẻ ngày càng tăng. Giá thuê được dự báo sẽ tăng nhẹ. Xu hướng thuê mặt bằng ở các khu vực trung tâm vẫn tiếp tục tăng, trong khi nhu cầu thuê mặt bằng bán lẻ ngoài trung tâm vẫn giữ ở mức ổn.

Nhìn chung, theo nhiều ý kiến chuyên gia, tình hình thị trường bất động sẽ chuyển biến tích cực hơn so với năm 2010. Nhu cầu căn hộ ở phân khúc trung bình và bình dân tiếp tục ở mức cao, do đó thị trường ở 2 phân khúc này được dự báo là sẽ sôi động. Ngoài ra, GDP tăng trưởng khả quan là nhân tố góp phần làm gia tăng đầu tư bất động sản. Thế nhưng, năm 2011, thị trường bất động sản sẽ khó có sóng lớn nguyên nhân là do tác động của Nghị định 71 hướng dẫn thi hành luật nhà ở hạn chế đầu cơ ngắn hạn, Thông tư 13 hạn chế cho vay bất động sản cùng với lãi suất cho vay cao càng làm cho chi phí làm cho chi phí đầu tư tăng lên, người mua nhà khó có thể vay tiền để mua nhà.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

1.1 Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Bảng 2. Các chỉ số tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	31.79	83.92	68
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	31.79	83.92	66
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2.1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	2.75	1.4	56
2.2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	2.84	1.6	126
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3.1	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	-	-	
3.2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	-	-	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
4.1	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-	-	
4.2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5.79	1.96	6.0
4.3	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	5.61	1.93	2.0
4.4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009, 2010)

1.2 Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

1.3 Phân tích những biến động - những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động

Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh thị trường BĐS có rất nhiều biến động bất thường với những ấn tượng nội bật: nhiều dự án văn phòng mới đang đi vào hoạt động tạo ra sự cạnh tranh lớn, nhiều dự án chung cư cao cấp, bình dân cho người có thu nhập thấp được chào bán rộng rãi, người mua có nhiều cơ hội để quyết định, lựa chọn và cũng có nhiều quyền lực để đưa ra các yêu cầu giảm giá và đòi hỏi chất lượng cao.

Trong năm 2010, PVR đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng để khai thác kinh doanh 15 tầng của tòa nhà 35 tầng, ký hợp đồng hợp tác đầu tư chuyển nhượng một phần vốn góp của dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10- CT11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội nên bước đầu đã có doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, doanh thu của Công ty năm 2010 đạt 51 tỷ đồng, tăng 197,3% so với năm 2009; lợi nhuận trước thuế đạt 32,8 tỷ đồng, tăng 425,2% so với năm 2009.

Cũng từ dự án Chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội, theo Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/06/2010 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở (có hiệu lực từ ngày 08/08/2010), Công ty đã huy động được số tiền đáng kể từ người mua ứng trước, ngoài ra Công ty đã ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng Oceanbank cho việc thực hiện đầu tư dự án trên, đó là nguyên nhân chính dẫn đến giá trị tổng tài sản của công ty tại thời điểm 31/12/2010 tăng 300% so với thời điểm 31/12/2009.

1.4 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

Bảng 3. Giá trị sổ sách (31/12/2010)

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Giá trị sổ sách tại 31/12/2010
1	Tổng tài sản	1.024.230.968.865
1.1	Tài sản ngắn hạn	334.755.889.060
1.2	Tài sản dài hạn	689.475.079.805
2	Tổng nguồn vốn	1.024.230.968.865
2.1	Nợ phải trả	571.081.067.847
2.2	Vốn chủ sở hữu	453.149.901.018

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010)

1.5 Những thay đổi về vốn cổ đông cổ đông lớn

Bảng 4. Thay đổi của cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu 1/1/2010		Số cổ phiếu sở hữu 31/12/2010		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn, có cử người đại diện phần vốn góp giữ chức vụ CT HĐQT, P.CT HĐQT, UV HĐQT	10.694.400	35,65%	10.755.900	35,85%	Mua thêm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

1.6 Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không

1.7 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Bảng 5. Phân loại cổ phiếu

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu lưu hành	Cổ phiếu quỹ	Tổng số lượng cổ phiếu
1	Cổ phiếu phổ thông	30.000.000		30.000.000
2	Cổ phiếu ưu đãi cổ tức			
3	Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết			
4	Tổng cộng	30.000.000		30.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

1.8 Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

Cổ tức năm 2010 là 10%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1 Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

Với sự cố gắng của toàn thể CBCNV Công ty, và được sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo sát sao, kịp thời của các cấp lãnh đạo, trong năm 2010 Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định như:

- ✓ Thành lập HĐBT hỗ trợ GPMB, phê duyệt phương án tổng thể bồi thường GPMB và hoàn thành xin cấp chỉ giới đường đỏ dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên.
- ✓ Khởi công xây dựng dự án Trung tâm thương mại, văn phòng và khách sạn tại Quảng Ninh và tiến hành triển khai các công tác thực hiện đầu tư dự án, tiến hành thương thảo đàm phán với Công ty TNHH Big C Việt Nam để bán phần trung tâm thương mại.
- ✓ Hoàn thành công tác khoan khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư CT15 Việt Hưng, ký kết Hợp đồng Hợp tác kinh doanh giữa PVR – Văn Phú Land – NNP và thành lập Ban điều phối, Ban quản lý dự án, lập phương án TKKT và TMB dự án trình Sở QHKT thành phố Hà Nội.
- ✓ Ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng để khai thác kinh doanh 15 tầng của tòa nhà 35 tầng.
- ✓ Khởi công xây dựng dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10- CT11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội (CT10-11), thành lập Ban quản lý dự án, tiến hành triển khai các công tác thực hiện đầu tư dự án và triển khai kinh doanh các sản phẩm của dự án, tiến độ kinh doanh của dự án đáp ứng được tiến độ đã đề ra tại báo cáo đầu tư.

Theo dự kiến, hiệu quả kinh tế các dự án đầu tư hiện có của công ty sẽ đảm bảo hiệu quả kinh tế dài hạn, đảm bảo kế hoạch trung hạn 3 - 5, làm cơ sở xây dựng kế hoạch dài hạn 5 - 10 năm theo các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của Công ty.

2.2 Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh :

Nhìn chung, các dự án chưa đáp ứng tiến độ đề ra, do nhiều nguyên nhân khách quan: Do tính đặc thù của công ty trong 3 năm đầu từ khi thành lập cho đến ngày 30/12/2009 Công ty chỉ thực hiện 01 dự án duy nhất là dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tân Viên (DATV), tuy nhiên dự án này bị tạm dừng do có chủ trương sáp nhập Tỉnh Hà Tây về Hà Nội và việc rà soát lại quy hoạch các sân golf trên địa bàn Hà Nội, đến ngày 02/03/2010 UBND thành phố Hà Nội mới có công văn 1382/UBND-KH&ĐT cho phép Công ty tiếp tục triển khai. Mặt khác, dự án Trung tâm thương mại, văn phòng và khách sạn cao cấp tại Trung Tâm Cột Đồng Hồ, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do thay đổi quy mô đầu tư dự án từ 5.000m² lên 10.000m² nên Công ty mất nhiều thời gian để điều chỉnh phương án kiến trúc và dự án đầu tư nên đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các hạng mục công việc trên công trường.

Bên cạnh đó, theo Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/06/2010 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở (có hiệu lực từ ngày 08/08/2010), đối với việc huy động vốn từ tiền mua ứng trước, chủ đầu tư chỉ được ký hợp đồng mua bán nhà ở sau khi đã có thiết kế kỹ thuật nhà ở được phê duyệt, đã xây dựng xong phần móng của nhà ở. Do đó, một số dự án đã có dòng tiền về nhưng Công ty chưa ghi nhận được doanh thu. Dự án TTTM, văn phòng và khách sạn Hạ Long do Công ty thuê đất để tiến hành xây dựng nên chỉ có thể ghi nhận doanh thu sau khi hoàn thiện, bàn giao công trình.

Thị trường chứng khoán trong giai đoạn hiện nay đang trong thời kỳ giao dịch âm ảm, nhiều mã cổ phiếu giảm giá mạnh, vì thế việc huy động vốn của cổ đông theo kế hoạch tăng vốn gặp một số khó khăn.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

3.1 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Kiện toàn bộ máy quản lý, cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy chế theo quy định của Nhà nước, của Tập đoàn và của Tổng công ty.

Đưa cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 21/6/2010.

3.2 Các biện pháp kiểm soát:

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Hoạt động kinh doanh bất động sản

Kế hoạch thực hiện các Dự án Bất động sản trong năm 2011:

STT	Tên dự án	Kế hoạch thực hiện trong năm 2011
1	Dự án TTTM, VP & KS Hạ Long	- Lập, phê duyệt TKKT, TKBVTC; - Chuẩn bị mặt bằng & chuẩn bị các điều kiện thi công; - Thi công nhà mẫu, nhà điều hành của dự án;

		- Thi công cọc, móng và tầng hầm
2	Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ công cộng CT15 – Việt Hưng	- Hoàn thiện thủ tục mua lại phần vốn của đối tác; - Lập, phê duyệt Dự án đầu tư; - Lập, phê duyệt TKKT, TKBVTC; - Chuẩn bị mặt bằng & chuẩn bị các điều kiện thi công; - Thi công nhà mẫu, nhà điều hành của dự án; - Thi công cọc, móng và tầng hầm khối 18 tầng.
3	Dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tân Viên	- Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án; - Lập QHCTXD tỷ lệ 1/500 điều chỉnh trên quy mô 183 ha; - Lập, phê duyệt Dự án đầu tư; - Chuẩn bị mặt bằng & chuẩn bị các điều kiện thi công;
4	Dự án Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú – Hà Đông – Hà nội	- Lập, phê duyệt TKKT, TKBVTC; - Thi công cọc, móng và tầng hầm..
5	Dự án trung tâm thương mại và chung cư cao tầng số 1283 đường Giải Phóng	- Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư
6	Dự án TTTM & CH CC số 9 Trần Thánh Tông	- Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư
7	Các dự án khác	- Tiến hành xúc tiến đầu tư, ký hợp đồng hợp tác kinh doanh, kinh doanh đất nền, sàn chung cư....

a) Đối với các dự án đang tiến hành nghiên cứu và triển khai thực hiện:

- ✓ Để bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả, cơ cấu vốn an toàn, tránh ảnh hưởng của lạm phát và việc tăng chi phí vốn, cần giãn tiến độ triển khai các dự án chưa thực sự cần thiết;
- ✓ Ký các hợp đồng trọn gói không điều chỉnh giá với các nhà thầu thi công nhằm ổn định chi phí đầu vào của các dự án, hạn chế điều chỉnh Tổng mức đầu tư;
- ✓ Phát triển dự án Hồ Suối Hai theo định hướng vừa đầu tư vừa khai thác. Đầu tư dự án theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm hướng sản phẩm của dự án vào phân khúc thị trường cao cấp. Sau khi hình thành Khu du lịch Hồ Suối Hai sẽ trở thành quần thể vui chơi giải trí khép kín, bao gồm: sân golf, resort, khu biệt thự, khách sạn, khu vui chơi giải trí, khu công viên công nghệ cao;
- ✓ Thu xếp nguồn vốn hiệu quả và triển khai đầu tư vào các dự án tiềm năng tại thành phố Hà Nội như dự án Xây dựng chung cư CT15 – Việt Hưng, dự án Tòa nhà CT 10-11 tại Khu đô thị mới Văn Phú, Hà Đông; Dự án TTTM và chung cư cao tầng số 1283 đường Giải Phóng ... và các dự án tại Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh có quy mô lớn như dự án khu du lịch sinh thái Hạ Long, dự án Trung tâm thương mại, văn phòng và khách sạn Hạ Long;

- ✓ Tìm thị trường tiêu thụ các sản phẩm là căn hộ chung cư, văn phòng, TTTM thông qua các sàn giao dịch bất động sản và thông qua các đối tác, các đơn vị sản xuất kinh doanh trong ngành.

b) Đẩy nhanh xúc tiến, tìm kiếm các dự án mới và mở rộng thị trường:

Công ty sẽ tiến hành theo các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, cụ thể là:

- ✓ Ngắn hạn: tìm kiếm các sản phẩm bất động sản đầu tư trong ngắn hạn để tận dụng nguồn vốn nhàn rỗi của Công ty (mua sản kinh doanh, căn hộ tại các dự án khác);
- ✓ Trung hạn: tập trung vào việc tìm kiếm các dự án xây dựng căn hộ để kinh doanh, dự kiến mỗi dự án kéo dài từ 2 – 4 năm;
- ✓ Dài hạn: phát triển các khu du lịch, khách sạn từ 3-5 sao để tiến hành kinh doanh lâu dài. Để tìm kiếm khách hàng cũng như đào tạo nhân sự cho các khách sạn và khu du lịch nêu trên, Công ty đã thành lập Trung tâm du lịch Lữ Hành để từng bước thâm nhập vào thị trường du lịch;

Ngoài ra, Công ty còn tập trung phát triển thị trường trong lĩnh vực Bất động sản tại các thành phố lớn như Hà Nội, Tp.HCM, Đà Nẵng, Quảng Ninh. Đẩy mạnh tìm kiếm các dự án có tiềm năng phát triển tốt tại các khu vực này. Tiến hành nghiên cứu, mở rộng lĩnh vực hoạt động qua hình thức góp vốn thành lập các công ty sản xuất các sản phẩm nội thất, sản phẩm gia dụng, sản phẩm phụ thân thiện với môi trường cung cấp cho các dự án đầu tư xây dựng của Công ty nhằm làm giảm giá thành sản phẩm dự án, tăng tính cạnh tranh và cung ứng ra thị trường góp phần mở rộng, nâng cao thương hiệu của Công ty.

4.2 Hoạt động dịch vụ du lịch cao cấp

- Công ty đã thành lập Trung tâm du lịch lữ hành (TTDL) và xúc tiến cung cấp một số sản phẩm dịch vụ ra thị trường, đồng thời tiến hành đào tạo, xây dựng đội ngũ CBNV phục vụ công tác mới; chuẩn bị cho các sản phẩm dịch vụ cao cấp, du lịch nghỉ dưỡng, sân golf sau này.
- Dự kiến doanh thu, lợi nhuận từ Trung tâm du lịch lữ hành trong năm 2011 như sau:
 - + Doanh thu: 15 tỷ;
 - + Lợi nhuận: 1,5 tỷ.

4.3 Hoạt động khác

IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật bao gồm:

- ✓ Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2010;
- ✓ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010;
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại năm 2010;
- ✓ Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

1.1 Đơn vị kiểm toán độc lập:

Tên Công ty: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3852 4123

Fax: 04.3852 4143

Website: Website: www.deloitte.com.vn

1.2 Ý kiến kiểm toán độc lập

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

1.3 Các nhận xét đặc biệt: không có.

2. Kiểm toán nội bộ

2.1 Ý kiến kiểm toán nội bộ:

Không có

2.2 Các nhận xét đặc biệt:

Không có

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của tổ chức, công ty

Không có

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có

3. Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan

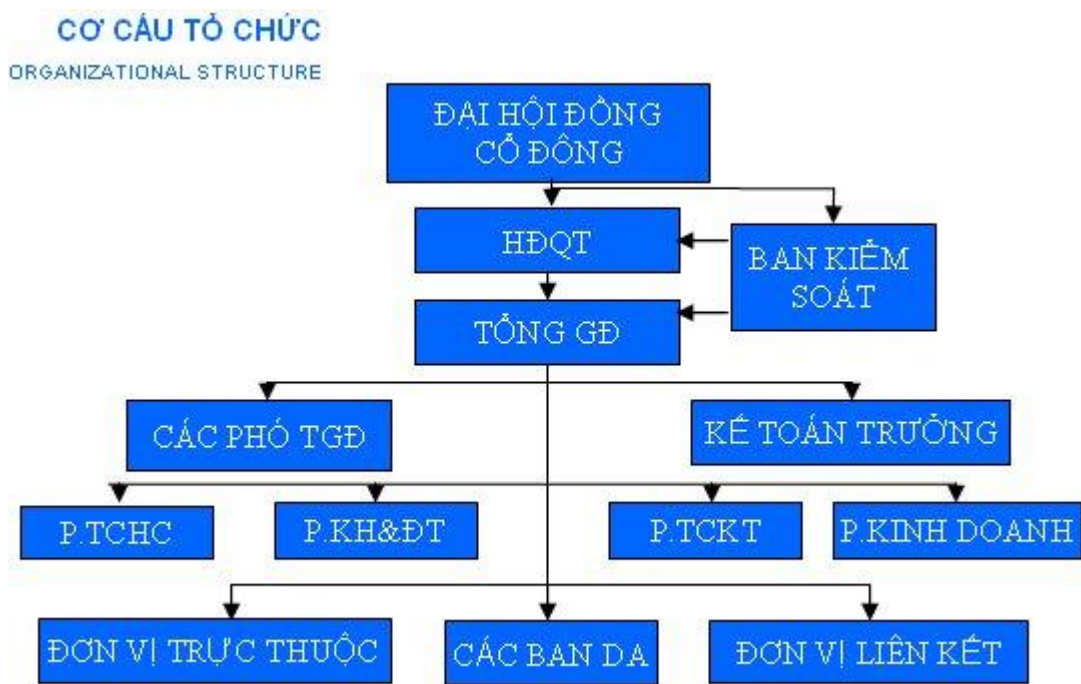
Không có

4. Tóm tắt tình hình hoạt động tài chính của các công ty liên quan

Không có

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1 Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/09/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tam Sơn – Tiên Sơn – Từ Sơn – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : 404 - B 15 Phường Quỳnh Lôi - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 012274936 do CA Hà Nội cấp ngày 28/08/1999

- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ – Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc công ty - Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 1994 - 2000: Cán bộ - Viện nghiên cứu thiết kế trường học;
 - 2001 – 2006: Giám đốc – Văn phòng thiết kế 1;
 - 12/2006 – 4/ 2009: Phó Tổng giám đốc - Công ty INCOMEX;
 - 4/2009 – 8/2009: Ủy viên HĐQT, Phó TGD - Công ty INCOMEX;
 - 8/2009 - 12/2010: Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
 - 1/2011 – nay: Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT - Công ty Tư vấn INCOMEX;
 - + Ủy viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 16.000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC): 5.144.400 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Vũ Trọng Toàn – Phó chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 04/12/1968
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Kim Sơn – Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : 36A Trần Hưng Đạo – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011317089 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/05/2003
- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 11/1993 - 12/1993: Kỹ sư kinh tế hóa chất – Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
 - 1/1994 - 2008: Chuyên viên phòng Kế hoạch - Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
 - 2008 - 06/11/2009: Chuyên viên Ban Đầu tư Phát triển – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 6/11/2009 – 12/2010: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 1/2011 – nay: Phó chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC): 5.550.000 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Ngọc Minh - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/02/1965
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 26 – C8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011911975 do CA Hà Nội cấp ngày 06/05/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 1988 - 2000: Nhân viên – Công ty vận tải đường biển Hà Nội.
- 2000 - 2006: Phó phòng Bảo hiểm Hàng Hải, Trưởng phòng giám định Bồi thường - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
- 2006 – 9/2007: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
- 10/2007 – 7/2009: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI).
- 07/2009 – 05/2010: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI).
- 06/2010 - đến nay: Phó tổng giám đốc TCT cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó tổng giám đốc TCT cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam: 3.000.000 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Ông Đoàn Văn An - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/12/1958
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Đồng, Nam Sách, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 27 Hàn Thuyên, P.Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011100118 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 01/11/1999.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 1982 – 1985 : Làm việc tại Tổng Cục An Ninh - Bộ Công an.;

- 1985 – 1988 : Học tại Trường Đại học An Ninh;
- 1989 – 1991 : Công tác tại Công ty đá quý Việt Nam;
- 1991 – 1998 : Làm việc tại Viện khoa Học Việt Nam;
- 1998 – 2002 : Làm Phó Tổng giám đốc tại Công ty TNHH Thung Lũng Vua
- 2002 – đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ phần sân gôn Ngôi sao Chí Linh;
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sân gôn Ngôi sao Chí Linh
 - + Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TM CP Dầu khí Toàn cầu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện Ngân hàng TM CP Dầu khí Toàn cầu: 3.000.000 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Bùi Ngọc Hưng – Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/10/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Nhà số 1 Ngách 49 Ngõ 178 Thái hà, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011 735694, do Công An Hà Nội cấp ngày 23/01/2007
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 11/1995 – 10/2002: Chuyên viên Phòng TCKT – Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
 - 11/2002 – 01/2007: Chuyên viên Ban TCKT – Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Báo cáo thường niên năm 2010

- 02/2007 – 12/2010: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- 12/2010– nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu long
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 16.000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2 Ban kiểm soát:

Ông Lê Đình Mậu – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hoá
- Địa chỉ thường trú : P208, Tập thể bưu điện VT 40, Ngách 32/84 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Hộ khẩu : P207 Nhà A, Tập thể Bưu điện, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.
- Số CMTND/Hộ chiếu : 012784169 do Công An Hà Nội cấp ngày 18/5/2007
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995 – 1997: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Ba Sao
 - Từ 1997 – 2000: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Làng văn hoá công nghệ Vietnam Ruykuy.
 - Từ 2000 – 2003: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Việt Nam – VACO

- Từ 2003 đến nay công tác tại Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Ban Tài chính & Kế toán Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Hành vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + - Sở hữu cá nhân : 1.000 cổ phần
 - + - Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
 - + - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Ông Hồ Đắc Hiếu – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/01/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Truyền – Phú Vang – Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 72 Nguyễn Du, P.Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
- CMTND/Hộ chiếu : 012379229 do Công an Hà Nội cấp ngày 21/8/2000
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Kiến trúc sư quy hoạch
 - + Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 07/2000 – 11/2002: Công tác tại Công ty TNHH Trí Đức – Hà Nội
 - 08/2003 – 06/2005: Công tác tại Chi nhánh Công ty Đầu tư Xây dựng & Kinh doanh Nhà Quảng Ninh tại Hà Nội.
 - 07/2005 – 02/2007: Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Tân Á Đông.
 - 03/2007 – 12/2010: Phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
 - 01/2011 – nay: Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 1000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện nhà nước : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Đỗ Tuấn Anh – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/03/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Lương Ninh – Huyện Quảng Ninh – Tỉnh Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 21 – Tổ 53 – P.Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011794566 do Công An Hà Nội cấp ngày 10/06/1993
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Thạc sỹ QTKD (MBA)
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 11/1993 – 02/2002: Chuyên viên phòng TCKT – Công ty Cao su Sao vàng Hà Nội.
 - 04/2002 -11/2008 : Chuyên viên phòng TCKT – Ban chuẩn bị Đầu tư Công trình LH LHD Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - 12/2008 – 10/2009: Phó phòng TCKT – Công ty TNHH một thành viên Quản lý và khai thác Tài sản Dầu khí.
 - 11/2009 – đến nay: Phó phòng, Phụ trách phòng TCKT - Chi Nhánh Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN tại Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó phòng – phụ trách Phòng TCKT – Chi Nhánh Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam Hà Nội
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện nhà nước : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3 Ban Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Tuấn Anh – Tổng Giám đốc (xem phần lý lịch HĐQT)

Ông Bùi Ngọc Hưng – Phó Tổng giám đốc (xem phần lý lịch HĐQT)

Ông Đỗ Quốc Phương – Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/09/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : F105, B20 Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011823189, do Công An Hà Nội cấp ngày 15/04/2003
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 1994 – 2006: Kiến trúc sư – Chủ nhiệm đề án – Công ty Tư vấn thiết kế Xây dựng (CDC) – Bộ xây dựng
 - Năm 2006: Trưởng phòng thiết kế của Tập đoàn TECHNOCOM (UKRAINA) tại Việt Nam
 - 2007 – đến nay: Công ty Cổ phần kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam
 - + Từ 4/2007 đến 8/2008 : Phó, Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư
 - + 8/2007 đến 8/2008 : Giám đốc Ban dự án Huỳnh Thúc Kháng kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư
 - + Từ 8/2008 đến 10/2009 : Trưởng phòng Đầu tư Phát triển
 - + Từ 10/2009 đến nay : Phó Tổng giám đốc công ty
- Chức vụ đang nắm giữ khác : Không
- Hành vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 12.000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Hồ Thành Quang – Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/03/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Di Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : F203, TT 91B, Lý Thường Kiệt, P. Cửa Nam, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011516625, do Công An Hà Nội cấp ngày 11/01/2005
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 6/1996 – 12/1997 : Nhân viên – Bộ văn hóa thông tin;
 - 01/1998 – 11/1998 : Chuyên viên – Tổng Công ty Vinaconex;
 - 12/1998 – 11/1999 : Đội phó Công ty KIORITZ;
 - 12/1999 – 04/2000 : Chuyên viên - Công ty Vinaconex Bộ XD;
 - 5/2000 – 01/2005 : Chuyên viên – Công ty LD Vikowa – Vinaconex;
 - 02/2005 – 02/2008 : Phó giám đốc Ban – Công ty XD Bạch Đằng – Bộ XD;
 - 03/2008 – 7/2009 : Phó Ban, Trưởng Ban Đầu tư và Dự án – Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC);
 - 08/2009 – đến nay : Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ khác : Không
- Hành vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- + Sở hữu cá nhân : 7.000 cổ phần
- + Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
- + Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Tổng Thị Xuân – Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 18/02/1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Nhà CT – ĐN4, Khu ĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 01310542 do Công An Hà Nội cấp ngày 20/06/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư đô thị - Thạc sỹ Quản lý đô thị
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 6/1993 - 3/1994 : Kỹ sư – Công ty Công trình đường sắt 1
 - 4/1994 – 07/1998 : Chuyên viên – Công ty Tư vấn xây dựng Thanh Hóa
 - 08/1998 – 03/2002 : Chuyên viên – Viện Quy hoạch và Xây dựng Thanh Hóa
 - 04/2002 – 01/2005 : Chuyên viên – Sở xây dựng Thanh Hóa
 - 02/2005 – 06/2007 : Phó phòng Đầu tư – Công ty Cp Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà
 - 07/2007 – 12/2009 : Phó giám đốc - Công ty TNHH một thành viên SUDICO Tiến Xuân.
 - 01/2010- 03/2010 : Cán bộ Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 - 04/2010 - 08/2010 : Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
 - 09/2010 – 12/2010 : Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí
 - 01/2011 - đến nay : Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Hoàng Thu Hằng – Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 11/11/1983
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tân Mỹ, Yên Dũng, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : P106 N14 TT K9 Bộ đội biên phòng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 012093227 do Công An Hà Nội cấp ngày 10/3/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : ĐH Thương mại chuyên ngành quản trị
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 12/2007 – 31/12/2007 : Chuyên viên Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội.
 - 01/2008 – 02/2009 : Thư ký HĐQT Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
 - 03/2009 – 10/2009 : Chuyên viên phòng Dự án Đầu tư PVN – Ban Bảo hiểm dự án – Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
 - 11/2009 – 02/2010 : Trưởng phòng Dự án Đầu tư PVN – Ban Bảo hiểm dự án – Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
 - 03/2010 – 08/2010 : Phó Giám đốc Ban Bảo hiểm dự án – Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
 - 09/2010 - đến nay : Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.4 Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hữu Tùng - Kế toán trưởng

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/11/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : P1306 – CT5-ĐN4 – Khu Mỹ Đình II - Từ Liêm – Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011 821 355 do Công An Hà Nội cấp ngày 20/06/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - 7/1997- 4/2001 : Phụ trách kế toán – Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Phúc thuộc Sở Lao động –TB&XH tỉnh Vĩnh phúc.
 - 5/2002- 4/2006: Phó phòng Kế toán - Công ty Lắp máy (nay là Công ty cổ phần lắp máy) - Tổng công ty XDCN Việt Nam
 - 05/2006-06/2007: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Sông Đà 909 – Tổng công ty Sông Đà
 - 07/2007-07/2008: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Truyền thông dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 07/2008- đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.000 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm 2010: Không

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

STT	Diễn giải	Số người	Thu nhập bq tháng/người	Tổng thu nhập
1	Tổng giám đốc	1	32.221.082	386.652.978
2	Phó tổng giám đốc	5	24.175.596	1.179.309.771
Cộng				1.565.962.749

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

Bảng 6. Phân loại lao động

Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ %
Phân theo trình độ học vấn		
Trên đại học	10	12,05%
Đại học	60	72,29%
Cao đẳng, Trung cấp	6	7,23%
Lao động phổ thông	7	8,43%
Tổng số		100%
Phân theo tính chất hợp đồng lao động		
- Hợp đồng không xác định thời hạn	14	16,87%
- Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	69	83,13%
- Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm, Hợp đồng thời vụ	0	0%
Tổng số	83	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

5.2 Các chính sách với người lao động

a. Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định. Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày /tuần và 8 giờ/ngày. Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng Luật hiện hành.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, PVR đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. PVR thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khóa học bên ngoài do Công ty tài trợ. Bên cạnh đó PVR còn tạo điều kiện hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập, đào tạo.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty cam kết trả lương như sau:

- Tiền lương trả cho người lao động trong PVR căn cứ vào kết quả, hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Nhà nước, PVR quy định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Đảm bảo trả đủ lương hàng tháng cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- PVR đảm bảo mức thu nhập bình quân tối thiểu với người lao động có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên là 7.000.000 đồng/người/tháng (trừ trường hợp có thỏa thuận riêng trong Hợp đồng lao động) và những quyền lợi được cam kết trong thỏa ước lao động tập thể của PVR đối với người lao động.

Tiền thưởng được trả theo kết quả kinh doanh và hiệu quả công việc của từng cá nhân, Đơn vị. Hàng quý và năm căn cứ vào mức độ hoàn thành và hiệu quả công việc của từng Đơn vị, Hội đồng thi đua khen thưởng quyết định mức hưởng cụ thể cho từng Đơn vị, cá nhân.

PVR có chính sách thưởng cổ phiếu cho các cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc đóng góp cho doanh nghiệp, cán bộ nhân viên được tham gia góp vốn vào các dự án đầu tư do PVR thành lập mới theo hình thức góp vốn cổ phần, các dự án do PVR tham gia với tư cách cổ đông căn cứ vào chức vụ, thâm niên và thành tích cống hiến cho PVR.

Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo mức Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.
- Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức (có tính đến cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với các khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
- Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.

Kể từ ngày thành lập đến 31/12/2009, do Công ty đang trong giai đoạn tích lũy vốn để thực hiện các kế hoạch kinh doanh dài hạn nên PVR chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông trong giai đoạn này.

Chính sách cổ tức của Công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.

6.1 Thay đổi Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21/12/2010)
Ông Vũ Trọng Toàn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 21/12/2010) Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21/12/2010)
Ông Đoàn Văn An	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 21/12/2010)
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 21/12/2010)

6.2 Thay đổi Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tống Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/4/2010, miễn nhiệm ngày 13/9/2010) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm lại ngày 6/1/2011)
Ông Hồ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/9/2010)

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

Bảng 7. Thành viên và cơ cấu HĐQT, Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tính chất công việc
Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Tuấn Anh	CT HĐQT, TGD	Kiểm nhiệm

2	Vũ Trọng Toàn	P.CT HĐQT	Chuyên trách
3	Đoàn Văn An	Ủy viên HĐQT	Kiểm nhiệm
4	Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên HĐQT	Kiểm nhiệm
5	Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên HĐQT	Kiểm nhiệm
Ban kiểm soát			Kiểm nhiệm
1	Lê Đình Mậu	Trưởng ban	Kiểm nhiệm
2	Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	Kiểm nhiệm
3	Hồ Đắc Hiếu	Thành viên	Kiểm nhiệm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

1.2 Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt chế độ họp, sinh hoạt theo quy định. Các thành viên HĐQT tại Công ty đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua:

Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc chuẩn bị các báo cáo đề xuất, các dự án trình HĐQT; triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách nhân viên, lương thưởng, xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý chất lượng..

Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo của Ban điều hành gửi HĐQT. Cụ thể, trong năm 2010, HĐQT tiến hành 02 cuộc họp định kỳ, 19 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết/quyết định làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các vấn đề lớn đã được xem xét, phê duyệt như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	33/NQ-PVR-HĐQT	19/01/2010	Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng/Ban và Chi nhánh thuộc Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
2	34/ NQ-PVR-HĐQT	19/01/2010	Phê duyệt hình thức lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc Dự án TTTM, VP và KS tại Trung tâm Cột đồng hồ - Hạ Long.
3	52/ NQ-PVR-HĐQT	26/01/2010	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án TTTM, VP và KS tại Trung tâm Cột đồng hồ - Hạ Long.
4	78/NQ-PVR-HĐQT	28/01/2010	HĐQT PVR ủy quyền toàn diện cho CT HĐQT thay mặt HĐQT phê duyệt các QĐ thuộc thẩm quyền của HĐQT sau khi ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt chủ

			trương đầu tư hoặc báo cáo đầu tư dự án để triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
5	81/NQ-PVR-HĐQT	29/01/2010	Phê duyệt Dự án đầu tư XD công trình TTTM, VP và KS tại Trung tâm Cột đồng hồ, Hạ Long.
6	90/NQ-PVR-HĐQT	07/02/2010	Phê duyệt báo cáo đầu tư và chủ trương góp vốn dự án xây dựng Nhà máy sản xuất WPC tại VN công suất 1500 tấn/ năm.
7	138/ NQ-PVR-HĐQT	08/03/2010	Chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên 2010.
8	226/NQ-PVR-HĐQT	02/04/2010	Bổ nhiệm Bà Tổng Thị Xuân làm Phó Tổng giám đốc.
9	246/NQ-PVR-HĐQT	08/04/2010	Phê duyệt đề xuất đầu tư dự án (điều chỉnh) TTTM tài chính, VP và KS cao cấp tại khu Trung tâm Cột đồng hồ, Hạ Long.
10	272/NQ-PVR-HĐQT	15/04/2010	Phê duyệt báo cáo đầu tư và chủ trương góp vốn dự án xây dựng Nhà máy sản xuất WPC tại VN công suất 1500 tấn/ năm
11	278/NQ-PVR-HĐQT	16/04/2010	Phê duyệt bổ sung việc đầu tư dự án TTTM nhà ở, căn hộ Megastar Duminium Vĩnh Hưng.
12	333/NQ-PVR-HĐQT	08/05/2010	Phê duyệt cơ chế bồi thường, hỗ trợ GPMB sớm dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tân Viên.
13	385/NQ-PVR-HĐQT	25/05/2010	Phê duyệt chủ trương hỗ trợ, nâng cấp xây dựng trường học khu vực các xã thuộc dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tân Viên.
14	385/NQ-PVR-HĐQT	09/06/2010	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng.
15	572/NQ-PVR-HĐQT	05/08/2010	Thông qua phương án đầu tư Dự án CT10-11 Văn Phú.
16	637/NQ-PVR-HĐQT	18/08/2010	Kết luận cuộc họp ngày 16/8/2010 của HĐQT (thông qua nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2010).
17	641/NQ-PVR-HĐQT	18/08/2010	Thông qua hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng.
18	642/NQ-PVR-HĐQT	18/08/2010	Thông qua danh sách CBCNV và cổ đông chiến lược được mua CP phát hành thêm.
19	702/NQ-PVR-HĐQT	08/09/2010	Thông qua phương án đầu tư dự án TTTM dịch vụ và chung cư cao tầng Giải phóng quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.
20	746/NQ-PVR-HĐQT	21/09/2010	Thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với

			số lượng cổ phần được mua của CNCNV và cán bộ chủ chốt trong Cty
21	770/NQ-PVR-HĐQT	27/09/2010	Ký hợp đồng chuyển nhượng dự án CT10-11 Văn Phú.
22	771/NQ-PVR-HĐQT	27/09/2010	Vay vốn Ngân hàng TMCP Đại dương để triển khai thực hiện Dự án CT10-11 Văn Phú.
23	876/NQ-PVR-HĐQT	02/11/2010	Thông qua việc tạm ứng cổ tức và tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2010.
24	920/NQ-PVR-HĐQT	17/11/2010	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Chung cư cao cấp Việt Hàn tại Hạ Long.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

1.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Tham gia đóng góp việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty dài hạn và ngắn hạn thông qua hình thức tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT

Không có

1.5 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng quy định bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã trao đổi thường xuyên tình hình công việc.

Những nội dung cơ bản hoạt động kiểm soát năm 2010:

Thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, trong quá trình lãnh đạo, giám sát Tổng giám đốc về sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn;
- Kiểm soát việc HĐQT lãnh đạo, giám sát Tổng giám đốc công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chức năng giám sát đối với Tổng giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động điều hành, thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Kiểm soát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quy chế, quy trình quản lý của công ty...

- Kiểm soát việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong hoạt động điều hành.

1.6 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

1.7 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

STT	Diễn giải	Số người	Thu nhập bq tháng/người	Tổng thu nhập
I	Hội đồng quản trị	5		
1	Chủ tịch HĐQT	1	37.151.721	445.820.656
2	Ủy viên HĐQT	4	12.000.000	144.000.000
	Cộng (I)		49.151.721	589.820.656
II	Ban kiểm soát	3		
1	Trưởng ban	1	2.000.000	24.000.000
2	Thành viên	2	4.000.000	48.000.000
	Cộng (II)		6.000.000	72.000.000
	Tổng cộng (I+II)		55.151.721	661.820.656

1.8 Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 10 người

1.9 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và những người liên quan

Bảng 8. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và những người liên quan

STT	Họ và tên	Chức vụ/ mối quan hệ của người liên quan	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Cổ phần nắm giữ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ		Ghi chú
					Mua	Bán	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
1	Nguyễn Tuấn Anh	CT HĐQT	0,05	16.000	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 21/12/2010
2	Vũ Trọng Toàn	P.CT HĐQT	0,02	6.000	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 21/12/2010
3	Đoàn Văn An	Ủy viên HĐQT		0	Không	Không	
4	Bùi Vạn Thuận	Ủy viên HĐQT		0	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 21/12/2010
5	Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên HĐQT		0	Không	Không	
6	Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên HĐQT	0,05	16.000	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 21/12/2010

BAN KIỂM SOÁT

1	Lê Đình Mậu	Trưởng BKS	1.000	Không	Không	
2	Đỗ Tuấn Anh	Thành viên BKS	0	Không	Không	
3	Nguyễn Quỳnh Nam	Thành viên BKS	0	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 21/12/2010
4	Hồ Đắc Hiếu	Thành viên BKS	1.000		Không	Bổ nhiệm ngày 21/12/2010

BAN GIÁM ĐỐC

1	Nguyễn Tuấn Anh	CT HĐQT, TGD	0,05	16.000	Không	Không	
2	Bùi Ngọc Hưng	Phó TGD	0,05	16.000	Không	Không	
3	Đỗ Quốc Phương	Phó TGD	0,04	12.000	Không	Không	
4	Hồ Thanh Quang	Phó TGD	0,02	7.000	Không	Không	
5	Tổng Thị Xuân	Phó TGD	0	Không	Không		Bổ nhiệm ngày 2/4/2010 Miễn nhiệm ngày 13/9/2010 Bổ nhiệm ngày 6/1/2011
6	Hoàng Thu Hằng	Phó TGD	0	Không	Không		Bổ nhiệm ngày 13/9/2010

NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

1.10 Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1 Cổ đông Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước

Bảng 9. Thông tin và cơ cấu cổ đông Nhà nước

STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Cổ phần nắm giữ	Thay đổi tỷ lệ năm giữ	
				Mua	Bán
1	TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	35,65	10.694.400	61.500	Không
2	TCT CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	10	3.000.000	Không	Không
3	TCT CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	5,32	1.594.932	Không	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

Bảng 10. Thông tin về cổ đông lớn

STT	Cổ đông lớn	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Toà nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	10.694.400	35,65
2	TCT CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	154 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, HN	Bảo hiểm	3.000.000	10
3	TCT CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Q1, TP.HCM	Dịch vụ tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí	1.594.932	5,32
4	Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, HN	Tín dụng	3.000.000	10
5	Công ty CP Đầu tư thương mại Hệ thống Quốc tế	Tầng 9, 83B Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, HN	Bất động sản	2.000.000	6,67

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

2.2 Cổ đông sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập

Bảng 11. Thông tin về cổ đông sáng lập

STT	Tên Công ty	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Cổ phần nắm giữ tại 31/12/2010	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ trong năm	Mua	Bán
1	TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Toà nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, HN	Xây lắp	35,65	10.694.400	61.500	Không	Không
2	TCT CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	154 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, HN	Bảo hiểm	10	3.000.000	Không	Không	Không
3	TCT CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Lầu 5 Tòa nhà Petro Vietnam, số 1-5 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q1, TP.HCM	Dịch vụ tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí	5,32	1.594.932	Không	Không	Không
4	Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, HN	Tín dụng	10	3.000.000	Không	Không	Không
5	Công ty CP Đầu tư thương mại Hệ thống Quốc tế	Tầng 9, 83B Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, HN	Bất động sản	6,67	2.000.000	Không	Không	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam)

2.3 Cổ đông nước ngoài

Cổ đông nước ngoài là cá nhân

Bảng 12. Cổ đông nước ngoài là cá nhân

STT	Họ và tên	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Cổ phần nắm giữ tại 23/2/2011	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ trong năm	Mua	Bán
1	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatosh,K anagawa-ken, Japan		0,0003	100	100		
2	Yutaka Noda	993-5 Koyurugi Samukawam achi Kozagun Kanagawake n Japan		0,0013	400	400		

(Nguồn: Danh sách cổ đông PVR chốt trả cổ tức ngày 23/2/2011)

Cổ đông nước ngoài là tổ chức:

Bảng 13. Cổ đông nước ngoài là tổ chức

STT	Tên Công ty	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Cổ phần nắm giữ tại 23/2/2011	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ trong năm	Mua	Bán
1	Knowledge Company Inc	Victory Garden 3-4-23 Sendagay, Shibuya-ku,Tokyo 151-0051, Japan			163.700	836.300		

(Nguồn: Danh sách cổ đông PVR chốt trả cổ tức ngày 23/2/2011)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+150)	100		334.755.889.060	288.349.283.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	270.252.386.598	40.683.722.341
1. Tiền	111		127.367.386.598	20.683.722.341
2. Các khoản tương đương tiền	112		142.885.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	48.751.887.096	233.347.711.966
1. Đầu tư ngắn hạn	121		54.651.502.631	237.059.010.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.899.615.535)	(3.711.298.104)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.172.303.978	6.050.996.836
1. Trả trước cho người bán	132		2.447.456.606	795.230.000
2. Các khoản phải thu khác	135	7	2.724.847.372	5.255.766.836
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.579.311.388	8.266.851.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		331.797.272	320.809.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.102.252.832	1.859.556.295
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	5.145.261.284	6.086.486.534
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		689.475.079.805	41.888.892.830
I. Tài sản cố định	220		443.881.116.205	9.118.919.012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.322.346.183	1.965.730.531
- Nguyên giá	222		5.299.994.531	4.082.515.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.977.648.348)	(2.116.784.770)
2. Tài sản cố định vô hình	227		31.008.065	14.624.539
- Nguyên giá	228		128.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(96.991.935)	(68.375.461)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	441.527.761.957	7.138.563.942
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	204.687.568.599	32.187.568.599
1. Đầu tư dài hạn khác	258		205.000.000.000	32.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(312.431.401)	(312.431.401)
III. Tài sản dài hạn khác	260		40.906.395.001	582.405.219
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		507.895.001	582.405.219
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	40.398.500.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.024.230.968.865	330.238.175.894

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		571.081.067.847	4.821.763.117
I. Nợ ngắn hạn	310		491.375.464.910	4.806.160.180
1. Vay ngắn hạn	311	13	240.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		45.310.372.650	251.389.287
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	6.182.074.453	1.381.248.073
4. Phải trả người lao động	315		2.688.150.400	1.560.541.005
5. Chi phí phải trả	316		245.096.500	107.097.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	195.599.919.248	135.332.080
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.349.851.659	1.370.552.735
II. Nợ dài hạn	330		79.705.602.937	15.602.937
1. Phải trả dài hạn khác	333	16	79.690.000.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.602.937	15.602.937
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		453.149.901.018	325.416.412.777
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	453.149.901.018	325.416.412.777
1. Vốn điều lệ	411		395.718.480.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.810.001.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.986.539.870	4.349.318.886
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.528.049.633	1.209.439.141
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43.106.830.515	19.857.654.750
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.024.230.968.865	330.238.175.894

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	27.027.045.426	25.269.972.922
7. Chi phí tài chính	22		2.547.852.111	4.131.795.654
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.455.119.790	13.987.520.543
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		9.024.073.525	7.150.656.725
11. Thu nhập khác	31	19	23.916.433.768	584.745.675
12. Chi phí khác	32		88.020.411	8.329.862
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		23.828.413.357	576.415.813
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.852.486.882	7.727.072.538
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	7.755.370.262	1.354.862.694
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		25.097.116.620	6.372.209.844
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	836	217

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.852.486.882	7.727.072.538
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	949.896.681	850.116.376
- Các khoản dự phòng	03	2.188.317.431	4.023.729.505
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.732.204.603)	(23.449.508.690)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.258.496.391	(10.848.590.271)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.142.312.977)	1.900.894.164
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	197.016.936.967	(2.680.238.876)
- Tăng chi phí trả trước và các tài sản khác	12	(2.237.949.249)	(610.089.224)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.182.301.423)	(7.924.333.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	79.690.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(973.227.084)	(134.196.826)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	281.429.642.625	(20.296.554.226)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(431.050.177.245)	(1.434.666.342)
2. Tiền chi để cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(167.000.000.000)	(202.059.010.070)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	182.407.507.439	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.500.000.000)	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.753.210.438	20.169.092.854
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(395.389.459.368)	(183.324.583.558)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	103.528.481.000	5.734.649.000
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	240.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	343.528.481.000	5.734.649.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	229.568.664.257	(197.886.488.784)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	40.683.722.341	238.570.211.125
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70	270.252.386.598	40.683.722.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam - tiền thân là Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 17 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 11 năm 2007. Ngày 17 tháng 3 năm 2008, Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty” hay “PVR”) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai. Ngày 25 tháng 3 năm 2010, Công ty chuyển trụ sở chính về thành phố Hạ Long và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ sáu và sửa đổi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận kinh doanh lần thứ bảy ngày 19 tháng 8 năm 2010.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 346/QĐ-SGDCKHN ngày 10 tháng 6 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 81 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 56 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 20, ngõ 4, phố Hải Phụng, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Công ty có Văn phòng đại diện đặt tại Tầng 6 - 36 phố Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và một chi nhánh tại xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh bán hàng trong siêu thị;
- Kinh doanh bán hàng tổng hợp;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh sân golf;
- Kinh doanh cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh tổ chức các hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc và các hoạt động nghệ thuật khác;
- Kinh doanh tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa;

- Kinh doanh các hoạt động thể thao (bơi lội, bóng đá, tennis, đua thuyền, nhảy dù, leo núi, trường đua ô tô, mô tô, đua ngựa, đua chó);
- Kinh doanh vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ khai thác dầu khí (trừ điều tra thăm dò);
- Sản xuất, phân phối điện;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên

quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

	Năm 2010 (Số năm)
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính và chi phí thiết kế website của Công ty, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc, là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Các khoản đầu tư dài hạn phản ánh các khoản mua cổ phần của các công ty cổ phần và các khoản tiền gửi có kỳ hạn thu hồi trên một năm. Các khoản đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi thu từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng và lãi ủy thác quản lý vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại

phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	1.941.650.896	243.127.469
Tiền gửi ngân hàng	125.425.735.702	20.440.594.872
Các khoản tương đương tiền	142.885.000.000	20.000.000.000
	270.252.386.598	40.683.722.341

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	37.000.000.000	216.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	17.651.502.631	21.059.010.070
	54.651.502.631	237.059.010.070
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(5.899.615.535)	(3.711.298.104)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	48.751.887.096	233.347.711.966

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác quản lý vốn dự thu	2.557.541.667	3.490.415.836
Các khoản phải thu khác	167.305.705	1.765.351.000
	2.724.847.372	5.255.766.836

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	2.545.312.404	996.537.654
Đặt cọc góp vốn Dự án 1283 đường Giải phóng	2.500.000.000	-
Đặt cọc đấu giá đất Dự án Việt Hưng	-	5.000.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	99.948.880	89.948.880
	5.145.261.284	6.086.486.534

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	3.084.976.454	997.538.847	4.082.515.301
Mua trong năm	721.303.547	559.612.723	1.280.916.270
Giảm trong năm	-	63.437.040	63.437.040
Tại ngày 31/12/2010	3.806.280.001	1.493.714.530	5.299.994.531
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	1.436.362.021	680.422.749	2.116.784.770
Khấu hao trong năm	641.118.754	280.161.453	921.280.207
Giảm trong năm	-	60.416.629	60.416.629
Tại ngày 31/12/2010	2.077.480.775	900.167.573	2.977.648.348
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	1.728.799.226	593.546.957	2.322.346.183
Tại ngày 31/12/2009	1.648.614.433	317.116.098	1.965.730.531

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Dự án CT10-11 Văn Phú (i)	392.004.404.065	-
Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT 15 - Việt Hưng (ii)	33.424.128.524	-
Dự án Khu du lịch Hồ Suối Hai (iii)	9.996.420.458	7.138.563.942
Dự án Trung tâm thương mại tài chính, văn phòng và khách sạn thuộc Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long (iv)	6.102.808.910	-
	441.527.761.957	7.138.563.942

- (i) Dự án CT10-11 thuộc Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại Văn Phú, Khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội: Công ty đã nhận chuyển nhượng dự án từ Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest theo hợp đồng chuyển nhượng quyền phát triển dự án số 55/2010/VPI-PVR ngày 27 tháng 9 năm 2010 với diện tích 7.023 m² xây dựng chung cư kết hợp Trung tâm thương mại. Theo Nghị quyết số 741/NQ-PVR-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2010, tổng vốn đầu tư dự kiến là 1.454,5 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án, do vậy chưa phân định rõ diện tích để bán và diện tích kinh doanh thương mại. Theo đó, Công ty phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”.
- (ii) Dự án xây dựng chung cư để bán tại khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội: Ngày 11 tháng 12 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng liên danh với Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP về việc tham gia đấu thầu và thực hiện đầu tư Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 - Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội. Công ty được ủy quyền làm đại diện liên danh, chịu trách nhiệm trước bên mời thầu về mọi công việc, mọi giao dịch có liên quan đến việc thực hiện gói thầu. Dự kiến tổng mức đầu tư toàn dự án là 560,727 tỷ đồng và Công ty cam kết góp 20% vốn của dự án, tương đương 112,145 tỷ đồng trong đó vốn tự có là 30% và 70% là vốn vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Ngày 30 tháng 12 năm 2009, Sở Tài chính thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6696/QĐ-STC về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà chung cư tại lô đất CT15 - khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội với diện tích 8.847 m² cho liên danh các công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí (PVR), Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án, do vậy chưa phân định rõ diện tích để bán và diện tích kinh doanh thương mại. Theo đó, Công ty phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các bên liên doanh đã chuyển 1.650.793.536 đồng cho Công ty (Thuyết minh số 15). Công ty đang ghi nhận và phản ánh toàn bộ giá trị dở dang của dự án trên báo cáo tài chính.
- (iii) Chi phí xây dựng dở dang phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dự án Khu du lịch Suối Hai đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư của Công ty. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang này chủ yếu là chi phí tư vấn lập qui hoạch xây dựng, cung cấp bản đồ địa hình, chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công, v.v.
- (iv) Dự án Trung tâm thương mại tài chính, văn phòng và khách sạn thuộc Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh: Ngày 29 tháng 01 năm 2010,

Công ty đã nhận được Quyết định số 281/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 tổ hợp Trung tâm thương mại, tài chính, văn phòng và khách sạn tại phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long. Ngày 27 tháng 01 năm 2010, Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Megastar (Megastar Land) đã cùng nhau ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2010/HTKD, với tổng vốn đầu tư của dự án dự kiến là 500 tỷ đồng, trong đó vốn góp dự kiến của hai bên là 150 tỷ đồng: PVR góp 51% tương đương 76,5 tỷ đồng; Megastar Land góp 49% tương đương 73,5 tỷ đồng. Lợi nhuận và rủi ro của dự án được phân chia theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, toàn bộ chi phí chi phí xây dựng dở dang do Công ty tài trợ vốn.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư chứng khoán	38.000.000.000	32.500.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn	12.000.000.000	12.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển PVI (PVI-Invest)	11.000.000.000	5.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn thu hồi trên 1 năm	167.000.000.000	-
	205.000.000.000	32.500.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(312.431.401)	(312.431.401)
	204.687.568.599	32.187.568.599

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty được mua theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho mục đích nắm giữ dài hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng sự giảm giá các khoản đầu tư này và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư có suy giảm về giá trị trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác phản ánh số tiền đặt cọc cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng để đầu tư xây dựng 10 tầng của tòa nhà 35 tầng tại ngõ 409 đường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh ký ngày 5 tháng 5 năm 2010 và thỏa thuận điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Công ty sẽ thực hiện góp vốn hợp tác đầu tư khoảng 345,504 tỷ đồng. Số tiền đã đặt cọc sẽ được tự động chuyển thành vốn góp của PVR vào thời điểm hoàn thành xây dựng móng đến cốt tự nhiên của tòa nhà. Theo quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh, các bên tham gia Hợp đồng đồng ý phân chia sản phẩm riêng rẽ cho các bên. Theo đó, PVR được quyền hưởng phân chia sản phẩm đối với toàn bộ diện tích sản phẩm kinh doanh của 10 tầng của tòa nhà này. PVR có toàn quyền chủ động sử dụng, sở hữu kinh doanh, hưởng lợi nhuận/chịu lỗ và định đoạt đối với toàn bộ sản phẩm kinh doanh được phân chia. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, dự án trên chưa được triển khai xây dựng.

13. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với số tiền rút tối đa là 250 tỷ đồng trong thời hạn 12 tháng cho mục đích "Bổ sung vốn nhận chuyển nhượng quyền phát triển dự án - Tòa nhà CT10-11- Tại tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại văn phòng Văn Phú CT07, CT09, CT10, CT11, CT06 - Khu đô thị mới Văn Phú từ Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest. Khoản vay được giải ngân là 240 tỷ đồng vào ngày 30 tháng 9 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất và các khoản thu nhập, lợi ích phát sinh từ dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà CT10-11. Giá trị tạm tính của tài sản thế chấp là 380 tỷ đồng (bằng giá trị chuyển nhượng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest). Khoản vay này chịu lãi suất 14,5% tại thời điểm giải ngân (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 18%), lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ cộng biên độ 4,5%.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.927.826.474	1.354.832.694
Các loại thuế khác	254.247.979	26.415.379
	6.182.074.453	1.381.248.073

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú (1)	166.239.346.493	-
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Vĩnh Hưng (1)	27.559.640.000	-
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (2)	1.650.793.536	-
BHXX, BHYT, KPCĐ	76.834.680	68.025.461
Phải trả khác	73.304.539	67.306.619
	195.599.919.248	135.332.080

- (1) Công ty nhận tiền của các nhà đầu tư theo các hợp đồng góp vốn, theo đó, khi dự án đủ điều kiện để bán căn hộ theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư được quyền mua căn hộ theo giá trị đã thỏa thuận trên hợp đồng góp vốn.
- (2) Công ty nhận tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/2010/HTKD ngày 31/5/2010 đầu tư vào dự án xây dựng nhà chung cư lô đất CT15 - khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Theo đó, Công ty góp 20%, các bên còn lại góp 80% vốn tự có của dự án và được phân chia lợi nhuận (rủi ro) theo tỷ lệ vốn góp.

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	66.690.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn Việt Long	13.000.000.000	-
	79.690.000.000	-

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long (theo Hợp đồng số 26/2010/HĐHT ngày 28/9/2010) và Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (theo Hợp đồng số 25/2010/HĐHT ngày 28/9/2010) về việc chuyển nhượng một phần quyền phát triển dự án Khu đô thị Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội từ Công ty cho các đơn vị này.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 1/1/2009	292.500.000.000	-	3.136.322.095	901.881.761	15.747.898.226	312.286.102.082
Tăng do góp vốn	7.500.000.000	-	-	-	-	7.500.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.372.209.844	6.372.209.844
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.212.996.791	307.557.380	(2.258.673.320)	(738.119.149)
Giảm khác	-	-	-	-	(3.780.000)	(3.780.000)
Tại ngày 31/12/2009	300.000.000.000	-	4.349.318.886	1.209.439.141	19.857.654.750	325.416.412.777
Tăng do góp vốn	95.718.480.000	7.910.001.000	-	-	-	103.628.481.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.097.116.620	25.097.116.620
Phân phối lợi nhuận	-	-	637.220.984	318.610.492	(1.847.940.855)	(892.109.379)
Chi quỹ trong năm	-	(100.000.000)	-	-	-	(100.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	395.718.480.000	7.810.001.000	4.986.539.870	1.528.049.633	43.106.830.515	453.149.901.018

Trong năm, Công ty đã trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2009 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 với số tiền tương ứng là 637.220.984 đồng, 318.610.492 đồng và 892.109.379 đồng và thống nhất không chia cổ tức năm 2009.

Ngày 21 tháng 12 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức năm 2010 tại Nghị quyết số 1050/NQ-PVR-ĐHĐCĐ với tỷ lệ chi trả là 10%/mệnh giá (1.000 đồng/cổ phần) trên số vốn điều lệ cũ là 300 tỷ đồng, không tính số lượng cổ phần đang thực hiện phát hành thêm.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 17 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 25 tháng 3 năm 2010, tổng số cổ phần Công ty đăng ký và phát hành ra công chúng là 30.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã ban hành Nghị quyết số 478/NQ-PVR-ĐHĐCĐ về việc phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên

600 tỷ đồng thông qua việc phát hành 30.000.000 cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ bổ sung sẽ được sử dụng để đầu tư vào dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên (giai đoạn 1), dự án Trung tâm thương mại, văn phòng và khách sạn cao cấp Hạ Long, dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT 15 - Việt Hưng, dự án Hợp tác đầu tư xây dựng với Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng và bổ sung vốn lưu động của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các cổ đông đã góp bổ sung được 95.718.480.000 đồng vốn điều lệ và thặng dư thu được (sau khi đã trừ chi phí phát hành) từ đợt phát hành thêm đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.810.001.000 đồng. Hiện tại, Công ty vẫn đang trong quá trình tăng vốn và chưa hoàn thành đợt phát hành thêm này.

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010		Vốn thực góp tại ngày 31/12/2009	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	30.000.000.000	7,58%	30.000.000.000	10,00%
Công ty ĐT&TM hệ thống quốc tế	29.000.000.000	7,33%	20.000.000.000	6,67%
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu	30.000.000.000	7,58%	30.000.000.000	10,00%
Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (i)	23.126.510.000	5,84%	30.000.000.000	10,00%
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	106.944.000.000	27,03%	106.944.000.000	35,65%
Ngân hàng TMCP Đại Dương	79.000.000.000	19,96%	-	0,00%
Cổ đông khác	97.647.970.000	24,68%	83.056.000.000	27,69%
	395.718.480.000	100%	300.000.000.000	100%

- (i): Trong năm, Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam đã thực hiện các thủ tục chuyển nhượng 1.405.068 cổ phần cho 3.841 cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16.228.324.578	16.216.728.968
Lãi từ hoạt động ủy thác quản lý vốn	7.238.785.278	5.787.912.445
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán	1.255.394.456	1.727.464.232
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.021.005.835	93.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	265.094.747	1.444.867.277
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.440.532	-
	27.027.045.426	25.269.972.922

9. THU NHẬP KHÁC

	2010 VND	2009 VND
Thu nhập từ chênh lệch chuyển nhượng quyền góp vốn cho nhà đầu tư tham gia các dự án của Công ty (i)	18.434.500.000	-
Tiền bồi thường của Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng (ii)	5.398.500.000	-
Các khoản thu nhập khác	83.433.768	584.745.675
	23.916.433.768	584.745.675

- (i) Phản ánh khoản thu nhập từ các nhà đầu tư trả cho Công ty để nhận được phần chuyển nhượng và các quyền góp vốn vào các dự án đầu tư của Công ty tại Dự án Khu trung tâm thương mại, nhà ở, căn hộ Megastar Duminium Vĩnh Hưng tại số 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội và Dự án CT10-11 thuộc Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại Văn Phú, Khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- (ii) Phản ánh khoản bồi thường của Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng trả cho Công ty do không thực hiện được đúng các cam kết theo Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh ký ngày 5 tháng 5 năm 2010. Theo đó Công ty thanh lý 5 sàn và trả lại cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng trong tổng số 15 sàn sẽ nhận được theo như quy định trong hợp đồng và nhận tiền bồi thường là 5.398.500.000 đồng.

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	32.852.486.882	7.727.072.538
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.021.005.835	93.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	190.000.000	108.000.000
Thu nhập chịu thuế	31.021.481.047	7.742.072.538
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế TNDN được giảm	-	580.655.441
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.755.370.262	1.354.862.694

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

		2010	2009
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	25.097.116.620	6.372.209.844
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	Cổ phiếu	30.026.153	29.336.301
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	836	217

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các khoản cam kết thuê văn phòng với thời hạn và giá trị cam kết như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng 1 năm	905.844.567	1.110.906.720
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	833.180.040
Sau năm năm	-	-

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010 VND	2009 VND
Nhận vốn góp điều lệ		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí	7.177.190.000	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	79.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	7.238.785.278	5.787.912.445
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu	877.723.611	2.006.355.426
Thu nhập khác		
Thu nhập từ chênh lệch chuyển nhượng quyền góp vốn cho Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	5.850.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.219.862.944	1.384.039.445

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí toàn cầu	8.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	122.000.000.000	-
Ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	82.000.000.000	93.000.000.000
Phải thu khác		
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	796.333.333	1.329.075.001
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu	167.111.111	232.750.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	663.695.789	457.695.000
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	240.000.000.000	-
Phải trả dài hạn khác		
Nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	66.690.000.000	-

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2009 (sau phân loại) VND	31/12/2009 (trước phân loại) VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	1.370.552.735	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	-	1.370.552.735



Báo cáo thường niên năm 2010

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

NGUYỄN TUẤN ANH

NGUYỄN TUẤN ANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

LÊ ĐÌNH MẬU

NGUYỄN HỮU TÙNG